

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ YÊN
TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ TUY HÒA

PHỤ LỤC 01: KHÔI LƯỢNG MỜI THẦU

Hạng mục:

- THUÊ PHẦN MỀM QUẢN LÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH (HIS)
- THUÊ HỆ THỐNG THÔNG TIN XÉT NGHIỆM (LIS)
- THUÊ HỆ THỐNG BỆNH ÁN ĐIỆN TỬ (EMR)
- THUÊ HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
Y TẾ DÀNH CHO TRẠM Y TẾ HMIS

GIỚI THIỆU

Kính gửi quý đơn vị / công ty cung cấp dịch vụ Công nghệ thông tin .

Trung tâm Y tế thành phố Tuy Hòa đang có nhu cầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ quản lý khám bệnh, chữa bệnh.

Thời gian thuê: 60 tháng.

Danh mục phần mềm cần thuê:

TT	Hàng hóa	Thời hạn (Tháng)	Số lượng	Ghi chú
1	<i>Phần mềm quản lý khám bệnh, chữa bệnh (HIS) đạt trên mức 6 theo Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế. Quy mô < 100 giường, lượt khám dưới 9000 lượt/tháng</i>	60	1	
2	<i>Hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS) đạt mức nâng cao theo Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế. Quy mô 06 máy xét nghiệm</i>	60	1	
3	<i>Hệ thống bệnh án điện tử (EMR) đạt mức nâng cao theo Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế. Quy mô < 2000 bệnh án/năm</i>	60	1	
4	<i>Phần mềm quản lý khám bệnh, chữa bệnh (HIS) đạt trên mức 6 theo Thông tư 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế. Quy mô không giường</i>	60	1	
5	<i>Hệ thống thông tin quản lý khám bệnh, chữa bệnh Y tế dành cho trạm Y tế HMIS (11 trạm)</i>	60	1	

*** Lưu ý:** Quý công ty nên phân tích rõ chi phí ở phần Hệ thống bệnh án điện tử EMR nếu quy mô lớn hơn hoặc nhỏ hơn yêu cầu của danh mục.

Trung tâm Y tế thành phố Tuy Hòa, rất mong nhận được thông tin chào giá của quý nhà thầu quan tâm, quý đơn vị, công ty có cung cấp dịch vụ vui lòng cung cấp giá theo mô tả trong phục lục này./.

PHẦN I: THÔNG TIN THUÊ DỊCH VỤ

1 Tên dịch vụ:

Thuê Phần mềm quản lý khám bệnh, chữa bệnh (HIS) - Hệ thống thông tin xét nghiệm (LIS) - Hệ thống bệnh án điện tử (EMR) - Hệ thống thông tin quản lý khám bệnh, chữa bệnh Y tế dành cho trạm Y tế HMIS.

2 Chủ trì thuê:

Trung tâm Y tế thành phố Tuy Hòa

3 Địa điểm thực hiện:

Trung tâm Y tế thành phố Tuy Hòa, Thành Phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên

4 Nguồn vốn:

Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị.

5 Hình thức hợp đồng:

Đơn giá cố định

6 Thời gian thực hiện:

60 tháng.

7 Giá chào thầu:

Là toàn bộ chi phí thực hiện gói thầu, bao gồm chi phí bảo trì, bảo hành, hỗ trợ vận hành, hỗ trợ cập nhật chỉnh sửa phần mềm, điều chỉnh báo cáo, cài đặt cấu hình đào tạo chuyển giao công nghệ...

PHẦN II: YÊU CẦU KỸ THUẬT

1 Yêu cầu tổng quan hệ thống phần mềm

Các tiêu chí về chức năng nghiệp vụ	- Phần mềm cần có khả năng quản lý thông tin bệnh nhân, bao gồm hồ sơ y tế, lịch sử khám chữa bệnh, và thông tin liên lạc. - Cho phép bệnh nhân đặt lịch hẹn trực tuyến và nhận thông báo xác nhận qua email hoặc SMS - Cung cấp giao diện để bác sĩ nhập thông tin khám, chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân. - Tạo và quản lý đơn thuốc, bao gồm hướng dẫn sử dụng và tái khám. - Cung cấp khả năng tạo báo cáo thống kê về tình trạng bệnh, lịch sử khám chữa bệnh, và hiệu quả điều trị. - Hỗ trợ phân tích dữ liệu bệnh nhân để đưa ra các nhận định y tế và cải thiện dịch vụ. - Giao diện người dùng cần dễ dàng sử dụng cho cả bác sĩ và bệnh nhân, giúp giảm thiểu thời gian đào tạo. - Cung cấp giao diện hỗ trợ nhiều ngôn ngữ để phục vụ đa dạng đối tượng người dùng. - Hỗ trợ xử lý thanh toán, quản lý thông tin bảo hiểm và hóa đơn cho bệnh nhân. - Cung cấp các báo cáo tài chính định kỳ cho cơ sở khám chữa bệnh. - Phần mềm cần có khả năng tích hợp với các hệ thống khác như phần mềm quản lý bệnh viện, thiết bị y tế, và các dịch vụ bên ngoài. - Cung cấp API để dễ dàng kết nối và tương tác với các ứng dụng và dịch vụ khác. - Cung cấp chức năng quản lý thông tin về bác sĩ, y tá và nhân viên khác. - Hỗ trợ theo dõi lịch làm việc và phân công công việc cho nhân
--	---

	viên y tế. - Thiết lập phân quyền truy cập cho từng loại người dùng, đảm bảo an toàn cho thông tin nhạy cảm. - Đảm bảo rằng dữ liệu bệnh nhân được mã hóa và bảo vệ trong suốt quá trình truyền tải và lưu trữ. - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật kịp thời cho người dùng trong quá trình sử dụng phần mềm. - Đảm bảo rằng phần mềm được cập nhật thường xuyên với các tính năng mới và sửa lỗi.
Các tiêu chí về hiệu năng vận hành	- Đảm bảo phần mềm có tỷ lệ hoạt động tối thiểu để phục vụ liên tục cho bệnh nhân và nhân viên đơn vị. - Xác định thời gian cần thiết để khôi phục dịch vụ sau sự cố và thời gian tối đa cho phép mất dữ liệu. - Thời gian phản hồi của hệ thống đối với các yêu cầu từ người dùng <2 giây cho các thao tác chính. - Đảm bảo hệ thống có khả năng xử lý nhiều yêu cầu đồng thời mà không gây ra độ trễ. - Đáp ứng khả năng mở rộng, nhu cầu gia tăng khi số người dùng tăng lên, đặc biệt trong các thời điểm cao điểm. - Nên có khả năng điều chỉnh hiệu suất mà không cần thay đổi lớn về cấu trúc. - Không gây lãng phí tài nguyên phần cứng (CPU – RAM- Băng thông v.v...), đảm bảo tính phù hợp phần cứng và phần mềm để đạt được hiệu suất tối đa. - Cần duy trì sự ổn định và không bị treo, ngưng hoạt động trong suốt thời gian sử dụng, có cơ chế phát hiện và xử lý lỗi nhanh chóng giảm thiểu tác động đến người dùng. - Có công cụ giám sát hiệu suất trong thời gian thực, cung cấp các báo cáo hiệu suất định kỳ để đánh giá và điều chỉnh hoạt động của hệ thống.

	- Thiết lập lịch bảo trì định kỳ không làm gián đoạn quá trình hoạt động, cung cấp thông báo trước cho đơn vị. - Phần mềm hoạt động nhất quán và đáng tin cậy trong suốt thời gian sử dụng. - Bất cứ vấn đề nào xảy ra đều được xử lý và thông báo nhanh chóng cho đơn vị hoặc người dùng. - Các biện pháp khôi phục dữ liệu hiệu quả sau sự cố, các giải pháp để chống lại sự cố hệ thống và các vấn đề liên quan đến bảo mật.
Các tiêu chí về an toàn, bảo mật	- Dữ liệu cần được mã hóa trong quá trình truyền tải và lưu trữ để ngăn chặn truy cập trái phép. - Dữ liệu phải được lưu trữ trên các máy chủ an toàn, có biện pháp bảo vệ vật lý và điện tử. - Quy trình xác thực mạnh mẽ, thiết lập phân quyền rõ ràng, đảm bảo người dùng chỉ có quyền truy cập vào thông tin và chức năng cần thiết theo vai trò, vị trí và cấu hình của đơn vị phân công. - Có hệ thống giám sát theo dõi hoạt động của người dùng. - Cung cấp công cụ phát hiện xâm nhập để xác định và ứng phó nhanh chóng với các cuộc tấn công - Thực hiện đánh giá các rủi ro định kỳ, giảm thiểu các lỗ hổng bảo mật trong hệ thống. - Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố chi tiết, xác định quy trình xảy ra các vấn đề về bảo mật. - Đảm bảo phần mềm được cập nhật thường xuyên để bảo vệ trước các lỗ hổng bảo mật mới. - Sử dụng tường lửa và phần mềm chống virus để bảo vệ hệ thống khỏi các mối đe dọa từ bên ngoài. - Đào tạo, hướng dẫn cho người dùng để họ nhận thức rõ về các mối đe dọa và cách bảo vệ thông tin. - Có kênh thông báo và nhận thông báo về các sự cố hoặc hành vi

	đáng ngờ. - Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn bảo mật thông tin hiện hành và các quy định liên quan đến bảo vệ dữ liệu - Định kỳ kiểm tra bảo mật để xác nhận rằng các quy trình và yêu cầu đang được thực hiện đúng cách. - Thiết lập và thực hiện chính sách rõ ràng về cách quản lý và bảo vệ thông tin nhạy cảm. - Có quy trình phát hiện và xử lý thông tin không mong muốn hoặc không hợp lệ.
Các tiêu chí phi chức năng	- Phần mềm cần tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia liên quan đến y tế và công nghệ thông tin, như ISO 9001 cho quản lý chất lượng và ISO 27001 cho bảo mật thông tin. Đảm bảo phần mềm đáp ứng các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định y tế hiện hành. Sử dụng các giao thức trao đổi dữ liệu tiêu chuẩn, như HL7 hoặc FHIR, để đảm bảo khả năng tương tác với các hệ thống y tế khác. Đảm bảo phần mềm có thể xử lý và trao đổi dữ liệu với nhiều định dạng khác nhau như XML, JSON. - Hệ thống cần hoạt động liên tục với thời gian ngừng hoạt động tối thiểu, phần mềm cần có cơ chế phục hồi dữ liệu tự động trong trường hợp gặp sự cố, như lỗi phần cứng hoặc mất điện. Giao diện cần được thiết kế đơn giản, rõ ràng, giúp người dùng dễ dàng nhận diện và sử dụng các chức năng. Hỗ trợ đa ngôn ngữ, tuân thủ các tiêu chuẩn truy cập cho người khuyết tật, hỗ trợ đọc màn hình, bàn phím điều khiển. - Cung cấp khả năng cấu hình các mô-đun để phù hợp với nhu cầu của đơn vị. Các mô-đun nên có giao diện chuẩn hóa để dễ dàng tích hợp và tương tác với nhau. Các mô-đun độc lập, mỗi mô-đun thực hiện một chức năng cụ thể, các giao thức và định dạng dữ liệu chuẩn để hỗ trợ việc mở rộng và tích hợp. Phần mềm cần đảm bảo thời gian hoạt động trên 99.9%, thiết lập các hệ thống dự

	phòng đảm bảo rằng dịch vụ vẫn hoạt động ngay cả khi một phần của hệ thống gặp sự cố. - Xây dựng kế hoạch chi tiết cho việc khôi phục hệ thống sau các sự cố lớn. Đảm bảo tính chính xác rằng dữ liệu người dùng và thông tin bệnh án, các cơ chế kiểm tra để giảm thiểu lỗi nhập liệu, duy trì tính nhất quán giữa các hệ thống và mô-đun khác nhau để tránh sai lệch thông tin. Thiết lập quy trình rõ ràng cho việc bảo trì định kỳ, bao gồm việc kiểm tra, cập nhật và sửa chữa các phần của phần mềm, Thực hiện đánh giá hiệu suất định kỳ để xác định các vấn đề cần khắc phục. Thiết lập quy trình quản lý thay đổi rõ ràng để đảm bảo rằng mọi thay đổi được kiểm soát và ghi nhận, giảm thiểu rủi ro phát sinh lỗi. - Cho phép người dùng hoặc quản trị viên dễ dàng tùy chỉnh các thiết lập và thông số mà không cần can thiệp vào mã nguồn. Cung cấp một giao diện đồ họa thân thiện để người dùng có thể thực hiện các thay đổi mà không cần kiến thức lập trình. Thiết kế phần mềm theo kiến trúc mô-đun, cho phép thêm, xóa hoặc sửa đổi các mô-đun mà không ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống. Cung cấp các API để dễ dàng tích hợp với các hệ thống khác hoặc dịch vụ bên ngoài, như hệ thống quản lý bệnh án, ngân hàng dữ liệu, hoặc phần mềm bảo hiểm. Cung cấp các cơ chế tự động để cập nhật phần mềm, giúp người dùng dễ dàng nâng cấp lên các phiên bản mới mà không cần can thiệp thủ công. Thông báo cho người dùng về các tính năng mới và các thay đổi trong phiên bản cập nhật để họ có thể làm quen nhanh chóng. - Phần mềm cần hỗ trợ các chuẩn giao tiếp dữ liệu như HL7, FHIR hoặc DICOM để đảm bảo khả năng tương tác với các hệ thống y tế khác. Sử dụng định dạng dữ liệu phổ biến (như JSON hoặc XML) để đảm bảo dễ dàng trao đổi thông tin giữa các hệ thống. Cung cấp API RESTful cho phép các hệ thống khác có thể dễ
--	--

	dàng truy cập và tích hợp các chức năng của phần mềm. Đảm bảo rằng phần mềm có khả năng kết nối với các hệ thống hồ sơ điện tử (EMR/EHR) để chia sẻ và đồng bộ hóa dữ liệu bệnh nhân. Đảm bảo chỉ những người dùng có thẩm quyền mới có thể truy cập vào API và dữ liệu nhạy cảm. Thiết lập quy trình phục hồi nhanh chóng khi có sự cố kết nối xảy ra, đảm bảo rằng phần mềm có thể hoạt động liên tục. Đảm bảo có đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật sẵn sàng giải đáp thắc mắc và hỗ trợ trong quá trình tích hợp.
Các tiêu chí về sự hài lòng của người sử dụng	- Phần mềm cần có giao diện rõ ràng, dễ hiểu, giúp người dùng dễ dàng điều hướng và thực hiện các chức năng mà không gặp khó khăn. Cung cấp hướng dẫn sử dụng chi tiết và các công cụ trợ giúp trực tiếp, như FAQs hoặc hỗ trợ trực tuyến. Hỗ trợ nhiều người dùng cùng lúc mà không làm giảm hiệu suất của hệ thống. - Phần mềm cần hoạt động ổn định mà không gặp phải lỗi thường xuyên hoặc sự cố không mong muốn. Đảm bảo phần mềm luôn sẵn sàng khi người dùng cần, với thời gian hoạt động cao. Cung cấp khả năng cho người dùng cá nhân hóa các thiết lập và giao diện theo sở thích cá nhân hoặc yêu cầu cụ thể. Cho phép người dùng tùy chỉnh các chức năng và báo cáo theo nhu cầu của từng cơ sở y tế. - Cung cấp chương trình đào tạo cho người dùng mới và cập nhật cho những người dùng hiện tại để họ có thể sử dụng phần mềm hiệu quả. - Dựa vào phản hồi từ người dùng để thực hiện các nâng cấp và cải tiến, đáp ứng mong đợi của người sử dụng. Đảm bảo rằng thông tin cá nhân và y tế của người dùng được bảo vệ an toàn trước các mối đe dọa bên ngoài. - Cung cấp thông tin rõ ràng về cách dữ liệu được sử dụng và bảo vệ, giúp người dùng yên tâm hơn khi sử dụng phần mềm. - Đảm bảo rằng phần mềm có thể hoạt động trên nhiều loại thiết

	bị và hệ điều hành khác nhau, giúp người dùng dễ dàng truy cập. - Khả năng tích hợp với các phần mềm hoặc hệ thống hiện có, giúp tạo ra một trải nghiệm liền mạch cho người dùng. Đảm bảo rằng trải nghiệm người dùng là ưu tiên hàng đầu trong thiết kế phần mềm, từ việc sử dụng màu sắc, phong chữ đến cách bố trí. Thực hiện khảo sát định kỳ để đánh giá mức độ hài lòng của người dùng và tìm hiểu các vấn đề mà họ gặp phải.
Các tiêu chí về quản lý dịch vụ	- Thiết lập quy trình rõ ràng để kiểm soát và ghi nhận tất cả các thay đổi trong phần mềm, từ việc cập nhật tính năng đến sửa lỗi. Trước khi thực hiện thay đổi, tiến hành đánh giá tác động để đảm bảo rằng các thay đổi không ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại. - Triển khai hệ thống để ghi nhận và theo dõi tất cả các sự cố xảy ra, đảm bảo rằng không có sự cố nào bị bỏ qua. Phân loại các sự cố theo mức độ nghiêm trọng và ưu tiên xử lý, giúp tối ưu hóa thời gian phản hồi. - Sử dụng công cụ giám sát để theo dõi hiệu suất của phần mềm, bao gồm thời gian phản hồi và tải hệ thống. Đảm bảo rằng có dịch vụ hỗ trợ người dùng 24/7 để giải quyết các vấn đề và câu hỏi từ người sử dụng. - Đảm bảo rằng hạ tầng công nghệ (máy chủ, mạng, thiết bị) đủ mạnh và đáng tin cậy để hỗ trợ phần mềm hoạt động hiệu quả. - Đảm bảo đội ngũ nhân viên IT có đủ kỹ năng và kiến thức để duy trì và phát triển phần mềm. Thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ để xác định các mối đe dọa tiềm ẩn đối với phần mềm và dịch vụ. - Thiết lập kế hoạch ứng phó với rủi ro để giảm thiểu tác động của các sự cố không mong muốn. Dựa vào phản hồi từ người dùng và kết quả đánh giá chất lượng để thực hiện các cải tiến cho phần mềm. Đảm bảo phần mềm tuân thủ các quy định liên quan đến y tế và bảo mật thông tin (như HIPAA, GDPR).

STT	Loại tiêu chuẩn	Ký hiệu tiêu chuẩn	Tên đầy đủ của tiêu chuẩn	Quy định áp dụng
1	Tiêu chuẩn về kết nối			
1.1	Truyền siêu văn bản	HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	Bắt buộc
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị
1.2	Truyền tập tin	FPT	File Transfer Protocol	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		HTTP v1.1	Hypertext Transfer Protocol version 1.1	
		HTTP v2.0	Hypertext Transfer Protocol version 2.0	Khuyến nghị
		WebDAV	Web-based Distributed Authoring and Versioning	Khuyến nghị
1.3	Truyền, phát luồng âm thanh/ hình ảnh	RTSP	Real-time Streaming Protocol	Khuyến nghị
		RTP	Real-time Transport Protocol	Khuyến nghị
		RTCP	Real-time Control Protocol	Khuyến nghị
1.4	Truy cập và chia sẻ dữ liệu	OData v4	Open Data Protocol version 4.0	Khuyến nghị
1.5	Truyền thư điện tử	SMTP/ MIME	Simple Mail Transfer Protocol/Multipurpose Internet Mail Extensions	Bắt buộc
1.6	Cung cấp dịch vụ truy cập hộp thư điện tử	POP3	Post Office Protocol version 3	Bắt buộc
		IMAP 4rev1	Internet Message Access Protocol version 4 revision	

			1	
1.7	Truy cập thư mục	LDAP v3	Lightweight Directory Access Protocol version 3	Bắt buộc
1.8	Dịch vụ tên miền	DNS	Domain Name System	Bắt buộc
1.9	Giao vận mạng có kết nối	TCP	Transmission Control Protocol	Bắt buộc
1.10	Giao vận mạng không kết nối	UDP	User Datagram Protocol	Bắt buộc
1.11	Liên mạng LAN/WAN	IPv4	Internet Protocol version 4	Bắt buộc
		IPv6	Internet Protocol version 6	
1.12	Mạng cục bộ không dây	IEEE 802.11g	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11g	Bắt buộc
		IEEE 802.11n	Institute of Electrical and Electronics Engineers Standard (IEEE) 802.11n	Khuyến nghị
1.13	Truy cập Internet với thiết bị không dây	WAP v2.0	Wireless Application Protocol version 2.0	Bắt buộc
1.14	Dịch vụ Web dạng SOAP	SOAP v1.2	Simple Object Access Protocol version 1.2	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		WSDL V2.0	Web Services Description Language version 2.0	
		UDDI v3	Universal Description, Discovery and Integration	

			version 3	
1.15	Dịch vụ Web dạng RESTful	RESTful web service	Representational state transfer	Khuyến nghị
1.16	Dịch vụ đặc tả Web	WS BPEL v2.0	Web Services Business Process Execution Language Version 2.0	Khuyến nghị
		WS-I Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Simple SOAP Binding Profile Version 1.0	Khuyến nghị
		WS-Federation v1.2	Web Services Federation Language Version 1.2	Khuyến nghị
		WS-Addressing v1.0	Web Services Addressing 1.0	Khuyến nghị
		WS-Coordination Version 1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị
		WS-Policy v1.2	Web Services Coordination Version 1.2	Khuyến nghị
		OASIS Web Services Business Activity Version 1.2	Web Services Business Activity Version 1.2	Khuyến nghị
		WS-Discovery Version 1.1	Web Services Dynamic Discovery Version 1.1	Khuyến nghị
		WS-	Web Services Metadata	Khuyến nghị

		MetadataExchange	Exchange	
1.17	Dịch vụ đồng bộ thời gian	NTPv3	Network Time Protocol version 3	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		NTPv4	Network Time Protocol version 4	
2	Tiêu chuẩn về tích hợp dữ liệu			
2.1	Ngôn ngữ định dạng văn bản	XML v1.0 (5th Edition)	Extensible Markup Language version 1.0 (5th Edition)	Bắt buộc áp dụng một trong hai tiêu chuẩn
		XML v1.1 (2nd Edition)	Extensible Markup Language version 1.1	
2.2	Ngôn ngữ định dạng văn bản cho giao dịch điện tử	ISO/TS 15000:2014	Electronic Business Extensible Markup Language (ebXML)	Bắt buộc
2.3	Định nghĩa các lược đồ trong tài liệu XML	XML Schema V1.1	XML Schema version 1.1	Bắt buộc
2.4	Biến đổi dữ liệu	XSL	Extensible Stylesheet Language	Bắt buộc áp dụng phiên bản mới nhất
2.5	Mô hình hóa đối tượng	UML v2.5	Unified Modelling Language version 2.5	Khuyến nghị
2.6	Mô tả tài nguyên dữ liệu	RDF	Resource Description Framework	Khuyến nghị
		OWL	Web Ontology Language	Khuyến nghị

2.7	Trình diễn bộ kí tự	UTF-8	8-bit Universal Character Set (UES)/Unicode Transformation Format	Bắt buộc
2.8	Khuôn thức trao đổi thông tin địa lý	GML v3.3	Geography Markup Language version 3.3	Bắt buộc
2.9	Truy cập và cập nhật các thông tin địa lý	WMS v1.3.0	OpenGIS Web Map Service version 1.3.0	Bắt buộc
		WFS v1.1.0	Web Feature Service version 1.1.0	Bắt buộc
2.10	Trao đổi dữ liệu đặc tả tài liệu XML	XMI v2.4.2	XML Metadata Interchange version 2.4.2	Khuyến nghị
2.11	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (MDR)	ISO/IEC 11179:2015	Sổ đăng ký siêu dữ liệu (Metadata registries - MDR)	Khuyến nghị
2.12	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	ISO 15836-1:2017	Bộ phần tử siêu dữ liệu Dublin Core	Khuyến nghị
2.13	Định dạng trao đổi dữ liệu mô tả đối tượng dạng kịch bản JavaScript	JSON RFC 7159	JavaScript Object Notation	Khuyến nghị
2.14	Ngôn ngữ mô hình quy	BPMN 2.0	Business Process Model and Notation version 2.0	Khuyến nghị

	trình nghiệp vụ			
3	Tiêu chuẩn về truy cập thông tin			
3.1	Chuẩn nội dung Web	HTML v4.01	Hypertext Markup Language version 4.01	Bắt buộc
		WCAG 2.0	W3C Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.0	Khuyến nghị
		HTML 5	Hypertext Markup Language version 5	Khuyến nghị
3.2	Chuẩn nội dung Web mở rộng	XHTML v1.1	Extensible Hypertext Markup Language version 1.1	Bắt buộc
3.3	Giao diện người dùng	CSS2	Cascading Style Sheets Language Level 2	Bắt buộc áp dụng một trong ba tiêu chuẩn
		CSS3	Cascading Style Sheets Language Level 3	
		XSL	Extensible Stylesheet Language version	
3.4	Văn bản	(.txt)	Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc	Bắt buộc
		(.rtf) v1.8, v1.9.1	Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau	Bắt buộc
		(.docx)	Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx)	Khuyến nghị
		(.pdf) v1.4,	Định dạng Portable	Bắt buộc áp

		v1.5, v1.6, v1.7	Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc	dùng một, hai hoặc cả ba tiêu chuẩn
		(.doc)	Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc)	
		(.odt) v1.2	Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2	
3.5	Bảng tính	(.csv)	Định dạng Comma eparated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau.	Bắt buộc
		(.xlsx)	Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx)	Bắt buộc
		(.xls)	Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)	
		(.ods) v1.2	Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2	Khuyến nghị
3.6	Trình diễn	(.htm)	Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau	Bắt buộc
		(.pptx)	Định dạng PowerPoint mở rộng của Microsoft (.pptx)	Khuyến nghị
		(.pdf)	Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ	Bắt buộc áp dụng một, hai hoặc cả

			đọc	ba tiêu chuẩn
		(.ppt)	Định dạng PowerPoint (.ppt) của Microsoft	
		(.odp) v1.2	Định dạng Open Document Presentation (.odp) phiên bản 1.2	
3.7	Ảnh đồ họa	JPEG	Joint Photographic Expert Group (.jpg)	Bắt buộc áp dụng một, hai, ba hoặc cả bốn tiêu chuẩn
		GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	
		TIFF	Tag Image File (.tif)	
		PNG	Portable Network Graphics (.png)	
3.8	Ảnh gắn với tọa độ địa lý	GEO TIFF	Tagged Image File Format for GIS applications	Bắt buộc
3.9	Phim ảnh, âm thanh	MPEG-1	Moving Picture Experts Group-1	Khuyến nghị
		MPEG-2	Moving Picture Experts Group-2	
		MPEG-4	Moving Picture Experts Group-4	
		MP3	MPEG-1 Audio Layer 3	
		AAC	Advanced Audio Coding	
3.10	Luồng phim ảnh, âm thanh	(.asf), (.wma), (.wmv)	Các định dạng của Microsoft Windows Media Player (.asf), (.wma), (.wmv)	Khuyến nghị
		(.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	Các định dạng Real Audio/Real Video (.ra), (.rm), (.ram), (.rmm)	

		(.avi), (.mov), (qt)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi), (.mov), (qt)	
3.11	Hoạt họa	GIF v89a	Graphic Interchange (.gif) version 89a	Khuyến nghị
		(.swf)	Định dạng Macromedia Flash (.swf)	
		(.swf)	Định dạng Macromedia Shockwave (.swf)	
		(.avi), (qt), (.mov)	Các định dạng Apple Quicktime (.avi),(.qt),(.mov)	
3.12	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động	WML v2.0	Wireless Markup Language version 2.0	Bắt buộc
3.13	Bộ ký tự và mã hóa	ASCII	American Standard Code for Information Interchange	Bắt buộc
3.14	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt	TCVN 6909:2001	TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”	Bắt buộc
3.15	Nén dữ liệu	Zip	Zip (.zip)	Bắt buộc áp dụng một hoặc cả hai tiêu chuẩn
		.gz v4.3	GNU Zip (.gz) version 4.3	
3.16	Ngôn ngữ kịch bản phía trình khách	ECMA 262	ECMAScript version 6 (6th Edition)	Bắt buộc
3.17	Chia sẻ nội	RSS v1.0	RDF Site Summary version	Bắt buộc áp

	dung Web		1.0	dùng một
		RSS v2.0	Really Simple Syndication version 2.0	trong hai tiêu chuẩn
		ATOM v1.0	ATOM version 1.0	Khuyến nghị
3.18	Chuẩn kết nối ứng dụng cổng thông tin điện tử	JSR 168	Java Specification Requests 168 (Portlet Specification)	Bắt buộc
		JSR 286	Java Specification Requests 286 (Portlet Specification)	Khuyến nghị
		WSRP v1.0	Web Services for Remote Portlets version 1.0	Bắt buộc
		WSRP v2.0	Web Services for Remote Portlets version 2.0	Khuyến nghị
4	Tiêu chuẩn về an toàn thông tin			
4.1	An toàn thư điện tử	S/MIME v3.2	Secure Multi-purpose Internet Mail Extensions version 3.2	Bắt buộc
		OpenPGP	OpenPGP	Khuyến nghị
4.2	An toàn tầng giao vận	SSH v2.0	Secure Shell version 2.0	Bắt buộc
		TLS v1.2	Transport Layer Security version 1.2	Bắt buộc
4.3	An toàn truyền tệp tin	HTTPS	Hypertext Transfer Protocol Secure	Bắt buộc
		FTPS	File Transfer Protocol Secure	Bắt buộc
		SFTP	SSH File Transfer Protocol	Khuyến nghị
4.4	An toàn truyền thư điện tử	SMTPS	Simple Mail Transfer Protocol Secure	Bắt buộc
4.5	An toàn dịch vụ truy	POP3S	Post Office Protocol version 3 Secure	Bắt buộc áp dụng một

	cập hộp thư	IMAPS	Internet Message Access Protocol Secure	hoặc cả hai tiêu chuẩn
4.6	An toàn dịch vụ DNS	DNSSEC	Domain Name System Security Extensions	Khuyến nghị
4.7	An toàn tầng mạng	IPsec - IP ESP	Internet Protocol security với IP ESP	Bắt buộc
4.8	An toàn thông tin cho mạng không dây	WPA2	Wi-fi Protected Access 2	Bắt buộc
4.9	Giải thuật mã hóa	TCVN 7816:2007	Công nghệ thông tin. Kỹ thuật mật mã thuật toán mã dữ liệu AES	Khuyến nghị
		3DES	Triple Data Encryption Standard	Khuyến nghị
		PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Khuyến nghị áp dụng, sử dụng lược đồ RSAES-OAEP để mã hóa
		ECC	Elliptic Curve Cryptography	Khuyến nghị
4.10	Giải thuật chữ ký số	PKCS #1 V2.2	RSA Cryptography Standard - version 2.2	Bắt buộc áp dụng, sử dụng lược đồ RSASSA-PSS để ký

		ECDSA	Elliptic Curve Digital Signature Algorithm	Khuyến nghị
4.11	Giải thuật băm cho chữ ký số	SHA-2	Secure Hash Algorithms-2	Khuyến nghị
4.12	Giải thuật truyền khóa	RSA-KEM	Rivest-Shamir-Adleman - KEM (Key Encapsulation Mechanism) Key Transport Algorithm	Bắt buộc
		ECDHE	Elliptic Curve Diffie Hellman Ephemeral	Khuyến nghị
4.13	Giải pháp xác thực người sử dụng	SAML v2.0	Security Assertion Markup Language version 2.0	Khuyến nghị
4.14	An toàn trao đổi bản tin XML	XML Encryption Syntax and Processing	XML Encryption Syntax and Processing	Bắt buộc
		XML Signature Syntax and Processing	XML Signature Syntax and Processing	
4.15	Quản lý khóa công khai bản tin XML	XKMS v2.0	XML Key Management Specification version 2.0	Khuyến nghị
4.16	Giao thức an toàn thông tin cá	P3P v1.1	Platform for Privacy Preferences Project version 1.1	Khuyến nghị

	nhân			
	Hạ tầng khóa công khai			Khuyến nghị
	Cú pháp thông điệp mật mã cho ký, mã hóa	PKCS#7 v1.5 (RFC 2315)	Cryptographic message syntax for file-based signing and encrypting version 1.5	
	Cú pháp thông tin thẻ mật mã	PKCS#15 v1.1	Cryptographic token information syntax version 1.1	
	Cú pháp thông tin khóa riêng	PKCS#8 V1.2 (RFC 5958)	Private-Key Information Syntax Standard version 1.2	
	Giao diện thẻ mật mã	PKCS#11 v2.20	Cryptographic token interface standard version 2.20	
4.17	Cú pháp trao đổi thông tin cá nhân	PKCS#12 v1.1	Personal Information Exchange Syntax version 1.1	
	Khuôn dạng danh sách chứng thư số thu hồi	RFC 5280	Certificate Revocation List Profile	
	Khuôn dạng chứng thư số	RFC 5280	Public Key Infrastructure Certificate	
	Cú pháp yêu cầu chứng thực	PKCS#10 v1.7 (RFC 2986)	Certification Request Syntax Specification version 1.7	
	Giao thức	RFC 6960	On-line Certificate status	

	trạng thái chứng thư trực tuyến		protocol	
	Giao thức gắn tem thời gian	RFC 3161	Time stamping protocol	
	Dịch vụ tem thời gian	ISO/IEC 18014-1:2008 ISO/IEC 18014-2:2009 ISO/IEC 18014-3:2009 ISO/IEC 18014-4:2015	Information technology Security techniques - Time stamping services Part 1: Framework Part 2: Mechanisms producing independent tokens Part 3: Mechanisms producing linked tokens Part 4: Traceability of time sources	
4.18	An toàn cho dịch vụ Web	WS-Security v1.1.1	Web Services Security: SOAP Message Security Version 1.1.1	Khuyến nghị
4.19	Khuôn dạng dữ liệu trao đổi sự cố an toàn mạng	RFC 7970	The Incident Object Description Exchange Format version 2 (IODEF)	Khuyến nghị

2 Yêu cầu chi tiết chức năng phần mềm:

2.1. Danh mục chức năng phần mềm khám bệnh, chữa bệnh HIS

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
ĐĂNG KÝ KHÁM CHỮA BỆNH	
1	Phát số thứ tự chờ Đăng ký khám chữa bệnh
2	Chức năng Gọi bệnh nhân vào Đăng ký khám chữa bệnh
3	Chức năng Đăng ký khám chữa bệnh cho bệnh nhân (bảo hiểm y tế, Viện phí, Bệnh nhân Khám sức khỏe, Mua dịch vụ ...)
4	Chức năng In phiếu khám chữa bệnh
5	Kết nối đầu đọc mã vạch thông minh
6	Kết nối màn hình hiển thị thứ tự đăng ký khám chữa bệnh
7	Chức năng in thẻ khám chữa bệnh thông minh
8	Chức năng chuyển đổi tượng bệnh nhân
9	Tiện ích thông kê bệnh nhân đăng ký theo nhân viên
10	Tiện ích xem số lượng bệnh nhân đã khám và chờ khám tại các phòng khám
11	Biết được tổng số bệnh nhân đã đăng ký trong ngày
KHÁM BỆNH	
1	Chức năng gọi bệnh nhân vào khám
2	Kết nối màn hình hiển thị danh sách bệnh nhân chờ khám,
3	Chức năng nhập thông tin Khám bệnh
4	Chức năng chỉ định dịch vụ cận lâm sàng (Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, Phẫu thuật- Thủ thuật dịch vụ khác)
5	Chức năng Xem, in kết quả cận lâm sàng
6	Chức năng Xuất gói dịch vụ
7	Chức năng Kê đơn thuốc
8	Chức năng Xuất gói thuốc
9	Chức năng Xem lịch sử khám
10	Chức năng Xuất thuốc từ tủ trực
11	Chức năng Quản lý hẹn khám lại
12	Chức năng Chuyển phòng khám
13	Chức năng Kê dịch vụ Phẫu thuật, thủ thuật
14	Chức năng Kê thuốc, vật tư sử dụng trong ca Phẫu thuật, thủ thuật
15	Chức năng Quản lý số ngày dùng thuốc
16	Chức năng Xem lịch sử dùng thuốc và lấy lại đơn thuốc cũ

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
17	Chức năng Kê khai dị ứng thuốc của bệnh nhân
18	Chức năng Cảnh báo kê thuốc trùng nhau
19	Chức năng Cảnh báo kê dịch vụ trùng nhau
20	Chức năng Cảnh báo bệnh nhân Viện phí chưa có tiền thu, tiền tạm ứng
21	Chức năng Quản lý bệnh án ngoại trú
22	Chức năng Kê khai tai nạn thương tích
23	Chức năng Kê khai bệnh tật, tử vong
24	Chức năng Kê khai sức khỏe sinh sản
25	Chức năng Nhập viện
26	Chức năng Chuyển viện
27	Chức năng Khai báo gõ tắt cách dùng thuốc
28	Chức năng Tra cứu thông tin tồn thuốc
29	Chức năng Dự trữ thuốc vật tư
30	Chức năng xem Danh sách bệnh nhân: Danh sách bệnh nhân chờ khám, Danh sách bệnh nhân chờ đơn, Danh sách bệnh nhân đã khám, Danh sách bệnh nhân nhập viện\chuyển viện.
31	In đơn theo mẫu quy định
32	In phiếu khám bệnh trước vào viện
33	In phoi thanh toán
34	Tra cứu thông tin tồn kho
NỘI TRÚ	
1	Tiếp nhận bệnh nhân vào khoa
2	Xem Danh sách bệnh nhân: Bệnh nhân đang điều trị, Bệnh nhân chuyển viện, Bệnh nhân đăng ký ra viện, Bệnh nhân thanh toán ra viện, Bệnh nhân treo
3	Chức năng hiển thị trạng thái của bệnh nhân: Nội trú , Điều trị ngoại trú, đăng kí ra viện hay Thanh toán ra viện.
4	Tìm kiếm bệnh nhân
5	Xem Lịch sử khám điều trị của bệnh nhân
6	Tiện ích Tra cứu tồn kho của thuốc
7	Chức năng kê thông tin y lệnh (Thuốc, dịch vụ ...)
8	Chức năng sao chép y lệnh từ một ngày sang nhiều ngày của một bệnh nhân
9	Phân Phòng giường cho bệnh nhân
10	Chức năng Xuất tử trực
11	Chức năng xuất gói thuốc, dịch vụ
12	Tiện ích xem Sổ lên thuốc
13	Chức năng Theo dõi điều trị

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
14	Chức năng Tờ điều trị
15	In phôi thanh toán
16	Kiểm tra trước thanh toán
17	Xem kết quả cận lâm sàng, thông tin y lệnh
18	Tạm dừng kê
19	Xem Thông tin chi phí
20	Chuyển khoản thanh toán
21	Tra cứu trả lại thuốc
22	Chức năng theo dõi đặc biệt (đối với bệnh nhân nặng)
23	Phiếu chăm sóc
24	Kê thuốc, vật tư Phẫu thuật- thủ thuật
25	Phẫu thuật- thủ thuật
26	Dự trữ thuốc, vật tư
27	Duyệt Y lệnh tại khoa
28	Thông tin bệnh án
29	Thông tin tai nạn thương tích
30	Thông tin bệnh tật tử vong
31	Thông tin trẻ sơ sinh
32	Thông tin truyền dịch
33	Thông tin truyền máu
34	Theo dõi chức năng sống
35	Thử phản ứng thuốc
36	Tra cứu bệnh
37	Tra cứu thuốc thay thế
38	Đăng ký chuyển khoa
39	Đăng ký chuyển viện
40	Đăng ký ra viện
41	In Giấy xác nhận điều trị
42	In Giấy y chứng
43	Đề nghị tạm ứng
44	Tra cứu thông tin được
CẬN LÂM SÀNG	
Chẩn đoán hình ảnh	
1	Kết nối hệ thống hàng đợi gọi bệnh vào làm cận lâm sàng, trả kết quả.
2	Kết nối màn hình hiển thị danh sách bệnh nhân chờ khám

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
3	Chức năng xác nhận làm chẩn đoán hình ảnh
4	Chức năng Lập kết quả cận lâm sàng
5	Sửa kết quả cận lâm sàng
6	Xóa kết quả cận lâm sàng
7	Chức năng tạo mẫu cận lâm sàng
8	Chức năng Xuất tử trực
9	Chức năng lĩnh thuốc vật tư
10	Kê vật tư tiêu hao
11	Xem kết quả cận lâm sàng
12	Tìm kiếm bệnh nhân
13	Xem Lịch sử cận lâm sàng
14	Xem ai làm cận lâm sàng
15	In kết quả
16	In danh sách bệnh nhân
Kết nối hệ thống Xét nghiệm LIS	
1	Kết nối hệ thống hàng đợi gọi bệnh vào làm cận lâm sàng, trả kết quả
2	Kết nối màn hình hiển thị danh sách bệnh nhân làm
3	Chức năng nhập và duyệt kết quả xét nghiệm
4	Chức năng tạo mẫu và in kết quả tùy biết theo mẫu của từng đơn vị
5	Chức năng Xuất vật tư tiêu hao
6	Chức năng lĩnh thuốc vật tư
7	Kê vật tư tiêu hao
8	Tìm kiếm bệnh nhân
9	Xem Lịch sử cận lâm sàng
10	Xem ai làm cận lâm sàng
11	In danh sách bệnh nhân
12	In kết quả
13	Khóa sổ cận lâm sàng tránh trường hợp xóa sửa làm sai báo cáo của các phòng
14	Kết nối các máy xét nghiệm trả kết quả tự động về His
QUẢN LÝ DƯỢC	
Nhập xuất nhập	
1	Phiếu Nhập kho
2	Phiếu Xuất kho: xuất điều trị, xuất luân chuyển, xuất hủy.
3	In phiếu nhập/xuất theo mẫu quy định
4	Lập phiếu nhập từ file excel

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
5	Tiện ích lọc phiếu nhập/xuất
6	Improt danh mục thuốc, vật tư.
Dự trù - duyệt	
1	Duyệt Y lệnh theo khoa
2	In phiếu lĩnh
3	Duyệt cấp phát ngoại trú
4	Duyệt không cấp thuốc
5	Trả lại thuốc
6	Tìm kiếm bệnh nhân cấp thuốc
7	Lập phiếu Duyệt Dự trù - trả lại cơ sở
8	Lập phiếu trả lại
9	Xem danh sách phiếu trả lại
10	Dự trù lĩnh thuốc Vật tư
11	Tổng hợp Thuốc - Vật tư bù trực
12	Lập phiếu bào chế thuốc - hóa chất
13	Lập phiếu Sắc thuốc
Danh mục dược	
1	Khai báo đơn vị giao nhận
2	Khai báo người giao nhận
3	Gom người giao nhận
4	Tìm kiếm đơn vị giao nhận
5	Chuyển nhóm Danh sách nhà cung cấp sang Danh sách Đơn vị Giao nhận và ngược lại
6	Tìm kiếm nhà cung cấp
7	Khai báo lý do thống kê
8	Khai báo tính giá cấp độ
9	Khai báo đầu phiếu phát sinh phiếu nhập, xuất
Tiện ích khác	
1	Liệt kê chứng từ xuất nhập
2	Tìm kiếm chứng từ xuất nhập
3	Quản lý nợ thuốc các khoa
4	Quản lý tổng hợp tử trực
5	Quản lý tổng hợp xuất
6	In phiếu kiểm kê
7	In công khai thuốc

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
8	Tra cứu thông tin của thuốc: tồn kê, tồn thực trong kho, tồn đầu Tên thuốc, mã thuốc, số lô, số đăng ký, giá,.. Nhập/xuất trong phiếu nào, hạn sử dụng, thuốc thay thế.
QUẢN LÝ VIỆN PHÍ	
1	Kê chi phí cho bệnh nhân: dịch vụ, thuốc vật tự.
2	Xuất gói dịch vụ
3	Chuyển khoản
4	Cập nhật lại giá bảo hiểm y tế chấp nhận
5	Xác nhận nghèo, Dân tộc
6	Thiết lập Quỹ ngoài định xuất
7	Duyệt Cận Lâm Sàng không làm
8	Quyết toán
9	Xuất toán đối với tài khoản Bảo hiểm
10	Điều chỉnh giá
11	Kiểm tra chi phí của bệnh nhân
12	Thanh toán viện phí cho bệnh nhân
13	Hủy thanh toán viện phí cho bệnh nhân
14	Thanh toán tuyến dưới
15	Nhập chi phí cũ cho bệnh nhân
16	Chuyển đối tượng bệnh nhân
17	Chi phí tiêu hao
18	Lập phiếu thu
19	Lập phiếu chi
20	Lập phiếu tạm thu
21	Quản lý quyền hóa đơn
22	In hóa đơn
23	Khóa sổ thanh toán ngoại trú
24	Khóa sổ thanh toán nội trú
25	Tiện ích kiểm tra hàng ngày (bệnh nhân ngoại trú chưa thanh toán, bệnh nhân đã thanh toán chưa lập phiếu thu ...)
26	Tổng hợp thu chi
KẾ HOẠCH TỔNG HỢP	
1	Cấp mã Bệnh án
2	Cấp mã Bệnh án tự động
3	Hủy bệnh án ra viện

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
4	Chấp nhận Bệnh án ra viện
5	Sao bệnh án
6	Sửa mã Bệnh án
7	In Danh sách bệnh nhân
8	Kết xuất Danh sách bệnh nhân ra Excel
9	Xem Danh sách bệnh nhân theo điều kiện chọn
10	Tìm kiếm bệnh nhân
QUẢN LÝ NHÂN VIÊN	
1	Khai báo thông tin nhân viên
2	Sửa thông tin nhân viên
3	Xóa nhân viên
4	Đẩy danh sách nhân viên từ Excel vào phần mềm
5	Gộp tên nhân viên
6	In lý lịch của nhân viên
7	Xem Danh sách nhân viên: xem tất cả theo từng khoa
BÁO CÁO – THỐNG KÊ	
1	Thống kê chi phí khám chữa bệnh nội trú các nhóm đối tượng theo tuyến chuyên môn kỹ thuật (mẫu 14/ bảo hiểm y tế)
2	Thống kê vật tư y tế thanh toán bảo hiểm y tế (mẫu 19/ bảo hiểm y tế)
3	Thông kê thuốc thanh toán bảo hiểm y tế (mẫu 20/ bảo hiểm y tế)
4	Thông kê dịch vụ kỹ thuật thanh toán bảo hiểm y tế (mẫu 21/ bảo hiểm y tế)
5	Danh sách chi tiết bệnh nhân ngoại trú bảo hiểm y tế đề nghị thanh toán (79a-CT/ bảo hiểm y tế)
6	Tổng hợp chi phí khám chữa bệnh ngoại trú bảo hiểm y tế đề nghị thanh toán (79a-TH/ bảo hiểm y tế)
7	80CT – Danh sách chi tiết bệnh nhân nội trú bảo hiểm y tế đề nghị thanh toán (80a-CT/ bảo hiểm y tế)
8	80TH – Tổng hợp chi phí khám chữa bệnh ngoại trú bảo hiểm y tế đề nghị thanh toán (80a-TH/ bảo hiểm y tế)
9	Mẫu 79 theo công văn 3360 (531)
10	Mẫu 80 theo công văn 3360 (531)
11	Thống kê vật tư y tế thanh toán bảo hiểm y tế theo công văn (19-917)
12	Thống kê thuốc thanh toán bảo hiểm y tế theo công văn 917 (20-917)
13	Thống kê dịch vụ kỹ thuật thanh toán bảo hiểm y tế theo công văn 917 (21-917)
14	Thống kê tổng hợp bệnh nhân ngoại/nội trú bảo hiểm y tế đề nghị (công văn 7980-917)

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
15	Báo cáo tiền chênh dịch vụ kỹ thuật
16	Báo cáo xuất nhập tồn kho, khoa, tủ trực
17	Bảng kê nhập
18	Bảng kê xuất
19	Biên bản kiểm kê thuốc, vật tư, hóa chất
20	Báo cáo sử dụng thuốc, vật tư, hóa chất
21	Thẻ kho
22	Báo cáo đối ứng giữa kho, khoa, tủ trực
23	Báo cáo thống kê cận lâm sàng
24	Sổ kết quả xét nghiệm Hóa sinh
25	Sổ kết quả xét nghiệm Huyết học
26	Sổ kết quả xét nghiệm Sinh hóa
27	Sổ kết quả xét nghiệm Vi sinh
28	Sổ kết quả xét nghiệm Nước tiểu
29	Sổ kết quả xét nghiệm HIV
30	Sổ kết quả xét nghiệm khác
31	SỔ X-QUANG
32	Sổ Siêu âm
33	Sổ nội soi (Có thể chia cụ thể Sổ Nội soi Dạ dày, Sổ Nội soi Tai –Mũi-Họng...)
34	Sổ điện tim
35	Sổ phẫu thuật, thủ thuật
36	Thống kê đăng ký khám chữa bệnh
37	Thống kê bệnh tật tử vong
38	Thống kê tai nạn thương tích
39	Phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật
40	Thống kê hoạt động tài chính (không thu được)
41	Thống kê tình hình nhân sự
42	Thống kê danh sách vào viện
43	Thống kê tình hình cán bộ, viên chức
44	Thống kê hoạt động khám bệnh theo bệnh nhân
45	Thống kê hoạt động khám bệnh theo lần khám
46	Thống kê hoạt động điều trị (Biểu 03.1- ĐT)
47	Thống kê hoạt động phẫu thuật, thủ thuật
48	Thống kê hoạt động sức khỏe sinh sản
49	Thống kê hoạt động cận lâm sàng

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
50	Thông kê dược bệnh viện
51	Thông kê trang thiết bị y tế
52	Thông kê hoạt động chỉ đạo tuyến
53	Thông kê hoạt động nghiên cứu khoa học
54	Thông kê hoạt động tài chính (10.2.1- TC)
55	Thông kê hoạt động tài chính biểu 10.1.-TC
56	Thông kê hoạt động tài chính biểu 10.3.-TC/KT
57	Thông kê số mẫu khám bệnh
58	Thông kê số mẫu ra viện
59	Xuất báo cáo 79,80,19,20,21 theo tháng/quý đề nghị quyết toán
60	Tiện ích thiết lập báo cáo (Người dùng có thể tự thiết lập báo cáo)
ĐIỀU HÀNH	
1	Tra cứu hiệu quả công việc
2	Tra cứu chi phí ngoại trú bảo hiểm y tế
3	Danh sách bệnh nhân chuyển viện
4	Tổng hợp xuất toán bảo hiểm y tế
5	Tổng hợp số lần khám chữa bệnh bảo hiểm y tế
6	Tra cứu bệnh nhân treo
7	Thuốc khoa sử dụng
8	Xuất phôi XML theo thông tư của bảo hiểm y tế và Bộ Y tế (Quyết định 4210 và Quyết định 130)
QUẢN TRỊ - HỆ THỐNG	
1	Đổi mật khẩu
2	Khóa chương trình (Đăng nhập bằng tài khoản khác mà không cần thoát hẳn phần mềm, khi đăng nhập lại giữ nguyên được màn hình làm việc)
3	Cài đặt thông báo trên phần mềm
4	Lưu vết người dùng xem ai làm, ai thực hiện trên hệ thống
5	Thiết lập tạm dừng làm việc trên phần mềm ở các máy con
6	Thoát phần mềm ở các máy con
7	Chốt số liệu bệnh nhân đã thanh toán
8	Tự động cập nhật phiên bản mới ở máy con khi máy chủ update phiên bản mới
9	Thông báo ở máy trạm khi máy chủ không tự động sao lưu
10	Quản lý, phân quyền tài khoản người dùng
11	Sao chép phân quyền (Tiện ích phân quyền nhanh cho các nhân viên có nhóm quyền giống nhau)

STT	Danh mục chức năng các phân hệ
12	Thiết lập sử dụng (chỉ cho phép kê dịch vụ, thuốc – vật tư cho đối tượng bệnh nhân được thiết lập)
13	Thiết lập sử dụng chức năng (Một số chức năng thiết lập mới hiển thị)
14	Khai báo khoản thanh toán
15	Khai báo loại dịch vụ
16	Khai báo thẻ bảo hiểm y tế
17	Khai báo đối tượng bệnh nhân
18	Khai báo dịch vụ kỹ thuật
19	Khai báo thuốc vật tư
20	Khai báo khoa kho
21	Khai báo chỉ số xét nghiệm
22	Khai báo giường phòng
23	Khai báo định nghĩa xuất gói
24	Khai báo định mức cận lâm sàng
25	Khai báo chuyên khoa khám
26	Khai báo bệnh kèm theo
27	Khai báo ICD10
28	Khai báo khác (Danh mục bảo hiểm, danh mục hành chính, danh mục điều trị...)
29	Khai báo địa chỉ 4 cấp
30	Khai báo ngạch lương
31	Khai báo trình độ đào tạo

2.2. Danh mục chức năng phần mềm quản lý xét nghiệm LIS

Tên Module/ chức năng	Tên chức năng nhỏ	Nội dung
Tài khoản	Đăng nhập	- Người dùng nhập tên tài khoản, mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống.
	Đăng xuất	- Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống.
	Thiết lập đơn vị	- Thiết lập đơn vị đối với tài khoản quản lý nhiều đơn vị.
	Thiết lập khoa phòng	- Thiết lập phòng xét nghiệm.
	Đổi mật khẩu	- Đổi mật khẩu của tài khoản đã đăng nhập vào hệ thống.

Danh sách chờ lấy mẫu	Xem danh sách phiếu chỉ định	- Load danh sách phiếu chỉ định từ HIS để lấy mẫu Cho phép tiếp nhận mã bệnh nhân vừa chữ vừa số.
	Màn hình chờ	- Hiện thị danh sách ra màn hình chờ.
	Lưu phiếu chỉ định	- Có thể lấy mẫu 1 phần của phiếu chỉ định hoặc lấy tất cả, sau khi lấy mẫu thì mất khỏi danh sách chờ thực hiện và cập nhật lại trạng thái phiếu chỉ định trên HIS.
Danh sách thực hiện	Xem danh sách phiếu đã lấy mẫu	- Load danh sách đã lấy mẫu Filter theo trạng thái: chưa có kết quả, đã có kết quả, đã duyệt (gửi về HIS), chưa duyệt, hay tất cả.
	Xem danh sách chỉ định của bệnh nhân	- Load danh sách chỉ định của bệnh nhân.
	Màn hình chờ	- Hiện thị danh sách ra màn hình chờ.
	Hủy lấy mẫu	- Hủy cả phiếu, hoặc hủy từng dịch vụ, trả phiếu về danh sách chờ lấy mẫu.
	Đổi barcode	- Cập nhật lại barcode.
Kết quả máy	Danh sách kết quả máy	- Liệt kê tất cả kết quả nhận được từ các máy xét nghiệm của cơ sở y tế. - Có thể tìm theo barcode, theo máy xét nghiệm.
	Thống kê	- Cho phép thống kê, kết xuất báo cáo tổng thể, chi tiết về thông tin hoạt động của máy xét nghiệm.
	Cập nhật barcode, ngày chạy mẫu	- Có thể cập nhật lại barcode, ngày chạy mẫu kết quả máy.
Kết quả	Tự nhận kết quả máy	- Tự cập nhật phiếu kết quả khi có kết quả máy đổ về có STT trùng với STT bệnh nhân.
	Nhập kết quả thủ công	- Nhập kết quả từng dòng thủ công, tự động xuống dòng khi nhấn phím ENTER.

Hiện thị CSBT theo giới tính, kiểm tra cận	- Hiện thị CSBT theo giới tính, highlight khi kết quả nằm ngoài khoản chỉ số bình thường.
Đổi cận xét nghiệm	- Đổi cận theo đánh giá từ người sử dụng.
Duyệt/ hủy duyệt phiếu kết quả	- Duyệt phiếu kết quả được đẩy về HIS - Hủy duyệt phiếu. - Trạng thái phiếu được cập nhật.
In kết quả theo mẫu của đơn vị	- In được và đủ thông tin, đúng mẫu.
In kết quả theo mẫu của BHYT	- In được và đủ thông tin, đúng mẫu của BHYT.
Quản lý số lần in	- Tổng số lần in hiện thị đúng với mỗi lần in.
Lấy kết quả theo STT máy	- Lấy kết quả theo STT kết quả máy từ LAB đổ về.
Kiểm tra kết quả máy	- Kiểm tra nhanh kết quả xét nghiệm máy trong ngày.
Map kết quả	- Map thông số trả kết quả với thông số đổ ra từ máy xét nghiệm.
Xem lịch sử xét nghiệm	- Hiện thị danh sách lịch sử các lần xét nghiệm của bệnh nhân, load thông tin kết quả xét nghiệm khi double click vào dòng.
Xem lịch sử thay đổi kết quả	- Hiện thị kết quả, thời gian, và người thay đổi kết quả trước đó.
Cập nhật tình trạng mẫu	- Cho phép cập nhật tình trạng mẫu.
Chọn người ký	- Cho phép chọn người ký phiếu xét nghiệm từ danh sách nhân viên được phân công.
Cập nhật thời gian in	- Cho phép cập nhật thời gian in.
Chỉ in có kết quả	- Cho phép chỉ in những xét nghiệm đã có kết quả.
Chọn kho vật tư	- Cho phép chọn kho vật tư khi duyệt để trừ

		vật tư tiêu hao từ kho tương ứng.
	Cập nhật tình trạng mẫu	- Cho phép cập nhật tình trạng mẫu.
TK, tra cứu	Tìm kiếm bệnh nhân	- Cho phép tìm theo nhiều tiêu chí: tên hoặc họ tên, năm sinh, số thẻ BHYT, mã bệnh nhân. - Liệt kê danh sách tất cả các bệnh nhân thỏa điều kiện tìm kiếm để có thể phục vụ nhiều mục đích sử dụng khác nhau. - Double click vào dòng để cập nhật thông tin.
	Tra cứu bệnh nhân	- Cho phép thống kê, tra cứu bệnh nhân theo nhiều tiêu chí: barcode, mã bệnh nhân, tên bệnh nhân, ngày sinh, năm sinh, phòng thực hiện xét nghiệm, số thẻ BHYT, ngày chỉ định, người chỉnh định, ngày có kết quả, người trả kết quả, phân hệ, trạng thái, phòng lấy mẫu, ngày lấy mẫu, ngày in, tuổi, số vào viện, số vào viện điều trị, số phiếu xét nghiệm, khoa chỉ định, phòng chỉ định. - Liệt kê danh sách tất cả các bệnh nhân thỏa điều kiện tìm kiếm để có thể phục vụ nhiều mục đích sử dụng khác nhau.
Quản lý tài khoản	Hiển thị danh sách tài khoản LIS	- Danh sách tài khoản LIS.
	Tìm kiếm tài khoản	- Tìm kiếm theo tên tài khoản, đơn vị trực thuộc.
	Khóa, mở user	- Khóa, mở user hoạt động hay không.
	Phân quyền user	- Phân quyền cho user.
	Xóa tài khoản	- Xóa tài khoản người dùng.
Danh mục	Danh mục loại xét nghiệm	- Thêm, xóa, sửa, đồng bộ danh mục từ HIS. - Import, exceport excel danh mục loại.

		- Check đánh dấu có loại có hoạt động, không hoạt động.
	Danh mục xét nghiệm	- Đồng bộ danh mục từ HIS: tên xét nghiệm, thông số xét nghiệm. - Cập nhật danh mục xét nghiệm: Đơn vị tính, cận trên nam/nữ, cận dưới nam/nữ.
	Danh mục đơn vị	- Khai báo bệnh viện/ trung tâm y tế sử dụng LIS.
	Danh mục nhân viên	- Thêm, xóa, sửa, import, export. - Đồng bộ danh mục từ HIS.
	Danh mục phòng ban	- Thêm, xóa, sửa, import, export. - Đồng bộ danh mục từ HIS.
	Danh mục phòng bệnh	- Thêm, xóa, sửa, import, export. - Đồng bộ danh mục từ HIS.
	Danh mục máy	- Hiện thị đầy đủ danh sách máy. - Thêm, sửa, xóa máy xét nghiệm. - Thiết lập trạng thái máy xét nghiệm (hoạt động/ngưng hoạt động).
	Danh mục máy - dịch vụ	- Hiện thị đầy đủ danh sách máy và dịch vụ xét nghiệm của đơn vị. - Cho phép map/hủy map các dịch vụ với máy xét nghiệm tương ứng (hỗ trợ chọn máy trả kết quả khi nhập kết quả xét nghiệm).
	Danh mục sổ XN CLS	- Thêm, sửa, xóa sổ xét nghiệm CLS. - Thêm chỉ số chi tiết cho sổ xét nghiệm.
	Danh mục report	- Khai báo report. - Upload file report thiết kế sẵn. - Download file report có sẵn về.
	Danh mục đối tượng	- Thêm, xóa, sửa, import, export được. - Đồng bộ danh mục từ HIS.
	Danh mục đơn vị gửi	- Khai báo nơi gửi mẫu đến (đối với những

	mẫu	xét nghiệm mà đơn vị không thực hiện được sẽ gửi cho bệnh viện khác làm và nhập lại kết quả). - Thêm, xóa, sửa, export, import từ excel.
	Danh mục nhóm vi khuẩn	- Hiện thị danh sách nhóm vi khuẩn. - Thêm, sửa xóa, import, export excel danh sách nhóm vi khuẩn.
	Danh mục đơn vị tính	- Khai báo đơn vị tính cho các thông số xét nghiệm. - Thêm, xóa, sửa danh mục.
	Danh mục bệnh phẩm	- Khai báo danh mục mẫu bệnh phẩm. - Thêm, xóa, sửa danh mục.
	Danh mục buồng bệnh	- Khai báo buồng nằm trong phòng bệnh. - Thêm, xóa, sửa, export, import từ excel.
	Danh mục bệnh nhân	- Liệt kê tất cả bệnh nhân đang có trong hệ thống. - Thêm, Sửa, xóa thông tin bệnh nhân.
	Danh mục viết tắt	- Thêm, xóa sửa các cụm từ viết tắt (các cụm từ viết tắt giúp người dùng cập nhật kết quả nhanh hơn).
	Danh mục giường bệnh	- Khai báo giường nằm trong buồng bệnh. - Thêm, xóa, sửa, export, import từ excel.
	Danh mục barcode	- Thêm, sửa, xóa barcode. - Cấu hình số lượng tem barcode.
	Danh mục tài khoản	- Hiện thị đầy đủ danh sách tài khoản LIS của đơn vị. - Tìm kiếm tài khoản theo tên tài khoản, tên nhân viên. - Phân quyền cho tài khoản. - Tạo tài khoản cho nhân viên.
	Danh mục mẫu kết quả	- Chức năng cho phép Tạo trước các mẫu kết hỗ trợ nhân viên nhập nhanh các kết quả

		phức tạp, cần nhập đi nhập lại và tương tự nhau. - Liệt kê đầy đủ các mẫu kết quả của đơn vị. - Thêm, sửa, xóa mẫu kết quả.
Thống kê, báo cáo	Sổ xét nghiệm CLS	- In báo cáo sổ xét nghiệm chi tiết theo những xét nghiệm cụ thể do người dùng thiết lập. - Hỗ trợ xuất file excel và pdf.
	Sổ xét nghiệm HIV	- In báo cáo sổ xét nghiệm HIV chi tiết theo những xét nghiệm cụ thể do người dùng thiết lập. - Hỗ trợ xuất file excel và pdf.
	Thống kê thời gian thực hiện xét nghiệm	- Thống kê thời gian thực hiện, thời gian lấy mẫu, thời gian chờ lấy mẫu theo từng xét nghiệm. - Hỗ trợ xuất file excel
	Thống kê số lượng bệnh nhân theo nhóm dịch vụ	- Thống kê số lượng bệnh nhân theo nhóm dịch vụ xét nghiệm. - Hỗ trợ xuất file excel và pdf.
	Thống kê lấy mẫu bệnh phẩm	- Thống kê thời gian lấy mẫu theo từng loại mẫu bệnh phẩm. - Hỗ trợ xuất file excel và pdf.
	Thống kê hoạt động khoa xét nghiệm	- Hiện thị danh sách hoạt động tiếp nhận bệnh nhân của Khoa Xét nghiệm theo các tiêu chí từ ngày, đến ngày, nơi chỉ định, đối tượng. - Hỗ trợ xuất file excel và pdf.
	Thống kê bệnh nhân xét nghiệm	- Thống kê số lượng bệnh nhân và chi tiết thông tin bệnh nhân thực hiện xét nghiệm. - Hỗ trợ xuất file tổng hợp và chi tiết theo dạng excel.

2.3. Danh mục chức năng bệnh án điện tử EMR

STT	Tên Chức năng	Tên tác nhân chính	Mô tả chức năng
Tiếp nhận thông tin bệnh án			
1	Tiếp nhận Bệnh án nhi khoa	Hệ thống	1.Tiếp nhận thông tin 2.Tìm kiếm thông tin 3.Xóa thông tin
2	Tiếp nhận Bệnh án truyền nhiễm		
3	Tiếp nhận Bệnh án phụ khoa		
4	Tiếp nhận Bệnh án sản khoa		
5	Tiếp nhận Bệnh án sơ sinh		
6	Tiếp nhận Bệnh án tâm thần		
7	Tiếp nhận Bệnh án da liễu		
8	Tiếp nhận Bệnh án huyết học và truyền máu		
9	Tiếp nhận Bệnh án bỏng		
10	Tiếp nhận Bệnh án ung bướu		
11	Tiếp nhận Bệnh án răng - hàm - mặt		
12	Tiếp nhận Bệnh án tai - mũi - họng		
13	Tiếp nhận Bệnh án ngoại trú		
14	Tiếp nhận Bệnh án ngoại trú răng hàm mặt.		
15	Tiếp nhận Bệnh án ngoại trú tai mũi họng.		
16	Tiếp nhận Bệnh án ngoại khoa		
17	Tiếp nhận Bệnh án YHCT Ngoại trú		
18	Tiếp nhận Bệnh án nội trú y học cổ truyền		
19	Tiếp nhận Bệnh án đày mắt		
20	Tiếp nhận Bệnh án mắt lác		

21	Tiếp nhận Bệnh án mắt trẻ em		
22	Tiếp nhận Bệnh án chấn thương mắt		
23	Tiếp nhận Bệnh án mắt - bán phần trước		
24	Tiếp nhận Bệnh án mắt glocom		
25	Tiếp nhận Bệnh án điều dưỡng và phục hồi chức năng		
Ký số file XML các HSBA			
26	View Bệnh án nhi khoa	Hệ thống	1.Tìm kiếm file XML 2. Ký số file XML 3. Lưu trữ file XML 4. Xem lại file XML
27	View Bệnh án truyền nhiễm		
28	View Bệnh án phụ khoa		
29	View Bệnh án sản khoa		
30	View Bệnh án sơ sinh		
31	View Bệnh án tâm thần		
32	View Bệnh án da liễu		
33	View Bệnh án huyết học và truyền máu		
34	View Bệnh án bỏng		
35	View Bệnh án ung bướu		
36	View Bệnh án răng - hàm - mặt		
37	View Bệnh án tai - mũi - họng		
38	View Bệnh án ngoại trú		
39	View Bệnh án ngoại trú răng hàm mặt		
40	View Bệnh án ngoại trú tai mũi họng		
41	View Bệnh án ngoại khoa		
42	View Bệnh án YHCT Ngoại trú		
43	View Bệnh án nội trú y học cổ truyền		
44	View Bệnh án điều dưỡng và phục hồi chức năng		
45	View Bệnh án đáy mắt		
46	View Bệnh án mắt lác		
47	View Bệnh án mắt trẻ em		

48	View Bệnh án chấn thương mắt		
49	View Bệnh án mắt - bán phần trước		
50	View Bệnh án mắt glocom		
Xem các file xml dạng report trên hệ thống			
51	View Bệnh án nhi khoa	Hệ thống	1.Tìm kiếm file XML 2. View file XML
52	View Bệnh án truyền nhiễm		
53	View Bệnh án phụ khoa		
54	View Bệnh án sản khoa		
55	View Bệnh án sơ sinh		
56	View Bệnh án tâm thần		
57	View Bệnh án da liễu		
58	View Bệnh án huyết học và truyền máu		
59	View Bệnh án bỏng		
60	View Bệnh án ung bướu		
61	View Bệnh án răng - hàm - mặt		
62	View Bệnh án tai - mũi - họng		
63	View Bệnh án ngoại trú		
64	View Bệnh án ngoại trú răng hàm mặt		
65	View Bệnh án ngoại trú tai mũi họng		
66	View Bệnh án ngoại khoa		
67	View Bệnh án nội trú y học cổ truyền		
68	View Bệnh án đáy mắt		
69	View Bệnh án mắt lác		
70	View Bệnh án mắt trẻ em		
71	View Bệnh án chấn thương mắt		
72	View Bệnh án mắt - bán phần trước		
73	View Bệnh án mắt glocom		
74	View Bệnh án ngoại trú dài ngày		
Phân hệ chức năng quản trị			
75	Quản lý tài khoản	Quản trị	1. Thêm/sửa/xóa

		hệ thống	tài khoản
			2. Phân quyền tài khoản sử dụng tính năng
76	Đăng nhập	Người dùng	1. Đăng nhập
			2. Đăng xuất
			3. Đổi mật khẩu
Quản lý HSBA			
77	Quản lý HSBA mở	Điều dưỡng	1. Xem bệnh án
			2. Ký số bệnh án
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin
78	Đóng bệnh án chuyên lưu trữ	Điều dưỡng	1. Thêm mới bệnh án đóng
			2. Hủy bỏ bệnh án đóng
			3. Ghi bệnh án đóng
			4. Xóa bệnh án đóng
			5. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
79	Tích hợp ký số dữ liệu bệnh án	Nhân viên y tế	1. Thêm mới ký số bệnh án
			2. Hủy bỏ ký số bệnh án
			3. Ghi ký số bệnh án
			4. Xóa ký số bệnh án

			5. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
80	Tổng hợp danh sách lưu trữ HSBA	Điều dưỡng	1. Thêm mới bệnh án
			2. Hủy bỏ bệnh án
			3. Ghi bệnh án
			4. Xóa bệnh án
			5. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
81	Bàn giao HSBA	Điều dưỡng	1. Thêm mới bệnh án
			2. Hủy bỏ bệnh án
			3. Ghi bệnh án
			4. Xóa bệnh án
			5. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
82	Duyệt nhận HSBA	Nhân viên y tế	1. Thêm mới duyệt bệnh án
			2. Hủy bỏ duyệt bệnh án
			3. Ghi duyệt bệnh án
			4. Xóa duyệt bệnh án
			5. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
83	Quản lý lưu trữ HSBA	Nhân viên y tế	1. Thêm mới bệnh án lưu trữ
			2. Hủy bỏ bệnh án lưu trữ

			3. Ghi bệnh án lưu trữ
			4. Xóa bệnh án lưu trữ
			5. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
84	Quản lý thông tin mượn trả HSBA	Nhân viên y tế	1. Thêm mới bệnh án mượn trả
			2. Hủy bỏ bệnh án mượn trả
			3. Ghi bệnh án mượn trả
			4. Xóa bệnh án mượn trả
			5. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
Khai thác dữ liệu HSBA			
85	Tra cứu HSBA	Nhân viên y tế	1. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
			2. Xem các bệnh án được chọn
86	Xem các HSBA theo mẫu của BHYT	Nhân viên y tế	1. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
			2. Xem các bệnh án được chọn
Quản trị hệ thống			
87	Quản lý danh sách các quyền truy cập HSBA	Quản trị hệ thống	1. Thêm mới quyền truy cập
			2. Hủy bỏ quyền truy cập

			3. Xóa quyền truy cập
			4. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
88	Cấu hình các quyền truy cập HSBA	Quản trị hệ thống	1. Thêm mới cấu hình quyền truy cập.
			2. Xóa cấu hình quyền truy cập
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
89	Cấp quyền cho người dùng truy cập HSBA	Quản trị hệ thống	1. Cấp mới quyền truy cập
			2. Xóa quyền truy cập
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
90	Quản lý log người dùng truy cập HSBA	Hệ thống	1. Thêm mới log truy cập
			2. Xóa log truy cập
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
Quản lý danh mục			
91	Danh mục dân tộc.	Quản trị hệ thống	1. Thêm mới Danh mục dân tộc.
			2. Xóa Danh mục dân tộc.
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
92	Danh mục nghề nghiệp.	Quản trị	1. Thêm mới Danh

		hệ thống	mục nghề nghiệp
			2. Xóa Danh mục nghề nghiệp
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới
93	Danh mục địa danh hành chính.	Quản trị hệ thống	1. Thêm mới Danh mục địa danh hành .
			2. Xóa Danh mục địa danh hành chính.
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới .
94	Danh mục cơ sở khám bệnh.	Quản trị hệ thống	1. Thêm mới Danh mục cơ sở khám bệnh.
			3. Xóa Danh mục cơ sở khám bệnh.
			3. Tìm kiếm, lọc thông tin trên lưới

2.4. Danh mục chức năng phần mềm khám chữa bệnh, quản lý Trạm Y tế HMIS

STT	Tên chức năng	Mô tả
1	Quản lý công tác dân số kế hoạch hóa gia đình	Quản lý hộ khẩu
		Quản lý nhân khẩu
		Quản lý người cao tuổi
		Quản lý Giấy Chứng Sinh
		Quản lý cấp lại Giấy Chứng Sinh
		Quản lý Bệnh nhân- Nhân khẩu
		Lịch sử điều chỉnh số hộ

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Danh sách bệnh nhân đã khám bệnh chưa được ghép nhân khẩu
		Khám kế hoạch hóa gia đình
		Quản lý thông tin người khuyết tật
		Lịch sử tách hộ
2	Quản lý khám bệnh, chữa bệnh	Quản lý khám chữa bệnh
		Khám bệnh tâm thần
		Khám YHCT
		Khám Huyết học
		Khám Mắt
		Khám chuyên khoa khác
		Khám bệnh HSSKCN
		Quản lý HSSK
		Quản lý trạng thái HSSK đầy
		Tra cứu lịch sử bệnh nhân
3	Quản lý bệnh truyền nhiễm	Quản lý bệnh nhân truyền nhiễm khác
		Bệnh nhân nghi sởi
		Khám bệnh Sốt rét
		Khám bệnh Lao
4	Quản lý bệnh không lây nhiễm	Quản lý bệnh không lây nhiễm
5	Quản lý chăm sóc sức khỏe sinh sản	Khám sinh nở
		Phá Thai
		Khám phụ khoa
		Khám thai
6	Quản lý phòng, chống HIV/AIDS	Quản lý gửi mẫu xét nghiệm HIV
		Khám bệnh HIV
7	Quản lý tiêm chủng và sử dụng vắc xin phòng bệnh (sau đây gọi tắt là tiêm chủng)	Kế hoạch tiêm chủng
		Nhắc lịch tiêm chủng
		Tiêm chủng 4 bước
		Dự trữ tiêm chủng

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Khám tiêm chủng dịch vụ
8	Quản lý uống vitamin A	Quản lý Uống VTM
9	Quản lý phòng, chống suy dinh dưỡng	Quản lý cân đo
		Khám Dinh Dưỡng
10	Quản lý phòng, chống tai nạn thương tích	Quản lý tai nạn thương tích
11	Quản lý thông tin tử vong	Quản lý tử vong
12	Quản lý thuốc thiết yếu và vật tư y tế	Nhập kho nhà cung cấp
		Dự trữ được tuyển trên
		Hoàn trả được tuyển trên
13	Quản lý tài sản, trang thiết bị	Quản lý tài sản, trang thiết bị
14	Quản lý truyền thông, giáo dục sức khỏe	Quản lý truyền thông giáo dục
		Quản lý lớp đào tạo truyền thông sức khỏe
15	Quản lý vệ sinh môi trường	Quản lý công trình vệ sinh
		Quản lý vệ sinh môi trường
16	Quản lý an toàn thực phẩm	Quản lý ca ngộ độc thực phẩm
		Cơ sở sản xuất kinh doanh
		Công tác test nhanh
		Công tác xét nghiệm
		Hình thức vi phạm, xử phạt
		Quản lý chi tiết người bị ngộ độc thực phẩm
17	Quản lý tài chính - kế toán	Quản lý tài chính kế toán
18	Quản lý tư vấn, đăng ký khám, chữa bệnh từ xa	Đặt lịch khám
		Khám bệnh từ xa
		Hội chẩn từ xa
19	Quản lý nhân lực y tế	Quản lý Nhân Sự
20	Báo cáo thống kê	Báo cáo tình hình mắc và tử vong do tai biến sản khoa (tại bệnh viện sản nhi)
		Báo cáo mẫu 7 - Tình hình khám phụ khoa, KHHGD và nạo phá thai (tại bệnh viện sản nhi)

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo tổng kết hàng tháng (TTCSSKSS)
		Báo cáo mẫu 5.2 - Hoạt động chăm sóc bà mẹ (theo khoa)
		Báo cáo 14.2 - Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch (Theo khoa)
		Báo cáo 14.3 - Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch (Theo khoa)
		Báo cáo mẫu 5.2 - Hoạt động chăm sóc bà mẹ (theo khoa)
		Báo cáo mẫu 13 - Tình hình mắc và tử vong do TNTT (theo khoa)
		Báo cáo tình hình mắc và tử vong do tai biến sản khoa (theo khoa)
		Báo cáo 14.1 - Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch (Theo khoa)
		Báo cáo mẫu 3.1 - Cơ sở, Giường bệnh và Tình hình xử lý chất thải (theo khoa)
		Báo cáo mẫu 8 - Tình hình sức khỏe trẻ em (theo khoa)
		Báo cáo mẫu 7 - Tình hình khám phụ khoa, KHHGĐ và nạo phá thai (theo khoa)
		Báo cáo 11.1 - Hoạt động khám chữa bệnh (theo khoa)
		Báo cáo 11.2 - Hoạt động khám bệnh dự phòng, tử vong và CLS (theo khoa)
		Báo cáo mẫu 5.1 - Hoạt động chăm sóc bà mẹ (theo khoa)
21	Báo cáo xã TT37	1/BCX. Tình hình dân số - Sinh tử xã
		2/BCX. Tình hình Thu chi Ngân Sách Y tế Xã
		3/BCX. Tình hình nhân lực y tế xã

STT	Tên chức năng	Mô tả
		4/BCX. Sổ hoạt động chăm sóc BM, TE và KHHGD
		5/BCX. Hoạt động khám chữa bệnh
		6/BCX. Hoạt động tiêm chủng mở rộng
		7/BCX. Tử vong do tai nạn thương tích
		8/BCX. Mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch
		9/BCX. Hoạt động phòng chống bệnh xã hội
		10/BCX. Tình hình tử vong tại cộng đồng
22	Báo cáo sổ sách khác tại trạm	Báo cáo hoạt động CSSKTE & PCSDDTE
		Sổ thống kê ngộ độc thực phẩm
		Sổ theo dõi khách hàng thuốc tiêm tránh thai
		Báo cáo mẫu 5 - Hoạt động sức khỏe sinh sản
		Sổ thống kê ngộ độc thực phẩm
		Báo cáo nhanh hoạt động chương trình PCBP VÀ NKLQTD
		Sổ khám và điều trị phụ khoa
		Sổ theo dõi phụ nữ sau sinh được uống bổ sung vitamin A
		Sổ theo dõi bệnh truyền nhiễm trẻ em
		Sổ dinh dưỡng, cân đo cho trẻ
		Sổ theo dõi trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng được uống bổ sung vitamin A
		Sổ theo dõi kết quả tiêm chủng trẻ em
		Sổ theo dõi diễn biến tâm thần hàng tháng, Cơ sở trạm y tế
		Sổ theo dõi các trường hợp phản ứng bất thường sau tiêm chủng
		Báo cáo Sổ sách trạm TT37
		A1. Sổ khám bệnh TYT
		A2.1. Sổ tiêm chủng cơ bản trẻ em

STT	Tên chức năng	Mô tả
		A2.2. Sổ tiêm chủng trẻ em viêm não, tả, thương hàn
		A2.3. Sổ tiêm chủng uốn ván
		A3. Sổ khám thai
		A4. Sổ đẻ
		A5.1. Sổ KHHGD
		A5.2. Sổ phá thai
		A6. Sổ tử vong
		A7. Sổ sốt rét
		A8. Sổ tâm thần
		A9. Sổ lao
		A10. Sổ HIV
		A11. Sổ TTGDSK
		A12. Sổ bệnh không lây
		Sổ theo dõi người khuyết tật (theo năm)
		Báo cáo dữ liệu phát sinh YTCS (tính)
23	Báo cáo ATVSTP	Báo cáo kết quả ATVSTP tháng
		Sổ quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn
		Báo cáo thống kê ngộ độc thực phẩm
		Báo cáo ATVSTP tháng hành động (TTYT)
		Báo cáo chương trình ATVSTP theo quý
		Báo cáo chương trình ATVSTP
		Báo cáo hoạt động vệ sinh thực phẩm
		Báo cáo kết quả thực hiện đảm bảo VSATTP
		Báo cáo kế hoạch ATVSTP
24	Báo cáo bệnh không lây	Tình hình giám sát, quản lý bệnh nhân Tăng huyết áp
25	Báo cáo bệnh lây nhiễm - bệnh xã hội	Bệnh lây truyền qua đường tình dục
		Bệnh lây truyền qua đường tình dục có xét nghiệm
		Báo cáo bệnh dịch lây nhiễm
		Báo cáo tổng hợp các ca nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục (NKLQTD-STI) từ cơ sở chuyên khoa

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo tổng hợp các ca nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục (NKLQTD-STI) từ cơ sở y tế tư nhân
26	Báo cáo bệnh truyền nhiễm	Theo dõi diễn biến bệnh truyền nhiễm
		Báo cáo bệnh truyền nhiễm
27	Báo cáo CTVS	Kết quả kiểm tra nước sạch và nhà tiêu hộ gia đình
		Báo cáo kết quả kiểm tra vệ sinh nước sạch và nhà tiêu
		Báo cáo danh sách số hộ hợp vệ sinh
		Báo cáo điều tra kết quả 4 công trình vệ sinh
		Kết quả kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt
		Kiểm tra kết quả vệ sinh nước sạch, nước ăn uống và nhà vệ sinh hộ gia đình
		Thống kê ba công trình vệ sinh
		Báo cáo chương trình vệ sinh môi trường (theo tháng)
		Báo cáo cơ sở, Giường bệnh & tình hình xử lý chất thải
		Chương trình MTQG nước sạch
		Báo cáo chi tiết công trình vệ sinh
		Báo cáo công trình vệ sinh thôn xóm
		Sổ theo dõi nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh
		Báo cáo vệ sinh môi trường tháng tại trạm y tế
28	Báo cáo dinh dưỡng	Báo cáo hoạt động phòng chống thiếu máu dinh dưỡng
		Báo cáo kết quả uống Vitamin A
		Báo cáo hoạt động dinh dưỡng tại cộng đồng
		Báo cáo kết quả uống Vitamin A (theo đợt)
		Tổng hợp danh sách quản lý thai phụ

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo hoạt động phòng chống các rối loạn thiếu máu
		Báo cáo kết quả cân đo trẻ (năm)
		Báo cáo hoạt động phòng chống thiếu Vitamin A
		Báo cáo suy dinh dưỡng trẻ em
		Số liệu căn bản và số liệu cân đo trẻ
		Báo cáo tình hình hoạt động dinh dưỡng trong tháng
		Tổng hợp báo cáo chương trình phòng chống suy dinh dưỡng
		Kết quả chương trình phòng chống suy dinh dưỡng
		Báo cáo kết quả cân đo trẻ (tháng)
		Báo cáo hoạt động dinh dưỡng tại cộng đồng
		Báo cáo kết quả cân trẻ dưới 5 tuổi
		Sổ theo dõi trẻ uống vitamin
		Báo cáo tổng hợp tháng về dinh dưỡng (Mẫu số 1)
29	Báo cáo dân số	Báo cáo dân số kế hoạch hóa gia đình
		Danh sách phụ nữ 15-49 có chồng & 2 con (1 bé trai 1 bé gái)
		Báo cáo dân số kế hoạch hóa gia đình (theo quý)
		Sổ quản lý dân số biến động
		Báo cáo dân số kế hoạch hóa gia đình (theo năm)
		Báo cáo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình
		Báo cáo HIV
		Báo cáo chăm sóc & điều trị HIV/AIDS
		Danh sách người nhiễm HIV tử vong
		Danh sách người nhiễm HIV còn sống được quản lý trên địa bàn
		Báo cáo kết quả xét nghiệm bệnh nhân HIV trong tháng

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo chăm sóc & điều trị dự phòng truyền HIV từ mẹ sang con
30	Báo cáo HSSKCN	Kết quả triển khai HSSK
		Báo cáo tình hình quản lý sức khỏe theo hộ gia đình
		Báo cáo tình hình sức khỏe hộ gia đình
		Báo cáo tình hình tạo lập HSSK
		Báo cáo thống kê HSSKCN (lần khám)
		Báo cáo kết quả triển khai tạo lập HSSK
31	Báo cáo khám bệnh YTCS	Theo dõi dịch vụ kỹ thuật thực hiện tại Trạm
		Báo cáo kết quả khám chữa bệnh YTCT và YHHD
		Báo cáo dân số - kế hoạch hóa gia đình
		Báo cáo kế hoạch hóa gia đình & biện pháp tránh thai
		Báo cáo danh sách bệnh nhân tiêu chảy
		Báo cáo dự trữ thuốc & vật tư y tế (theo tháng)
		Báo cáo trẻ tiếp xúc nguồn lây & dự phòng INH (mẫu 2)
		Sổ theo dõi xuất thuốc BHYT
		Danh sách đối tượng sử dụng thuốc tránh thai IDEAL
		Báo cáo thực hiện kế hoạch hóa gia đình
		Báo cáo hoạt động khám chữa mắt
		Danh sách đối tượng sử dụng thuốc tránh thai trong tháng
		Báo cáo hoạt động khám chữa bệnh (vãng lai)
		Báo cáo tình hình bệnh nhân Phong
		Báo cáo danh sách xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét
		Sổ xét nghiệm ký sinh trùng sốt rét
		Báo cáo tình hình sử dụng thuốc & vật tư y tế (theo tháng)

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo bệnh nhân khám Y học cổ truyền
		Danh sách bệnh nhân nhiễm trùng vết mổ
		Báo cáo tình hình sử dụng thuốc & vật tư y tế
		Danh sách bệnh nhân đã khám tại cơ sở
		Tình hình bệnh tật tại phòng khám
		Báo cáo chi phí khám bệnh ngoại trú (theo tháng)
		Báo cáo kết quả xét nghiệm sốt rét
32	Báo cáo về bệnh Lao	Sổ quản lý bệnh nhân Lao
		Sổ đăng ký trước điều trị ARV
		Danh sách bệnh nhân nghi ngờ Lao & thử đờm phát hiện
		Báo cáo tình hình đăng ký điều trị bệnh Lao
		BLN. Sổ đăng ký sàng lọc bệnh lao và theo dõi dự phòng INH cho trẻ em tiếp xúc với bệnh nhân lao phổi
		BLN. Báo cáo trẻ tiếp xúc không lây và dự phòng INH - (M2)
		Sổ theo dõi bệnh nhân Lao được cấp thuốc
		Báo cáo hoạt động chương trình phòng chống Lao
		Sổ xét nghiệm XPERT MTB/RIF
		Sổ quản lý & điều trị bệnh Lao
		Sổ đăng ký & điều trị bệnh Lao
		sổ khám bệnh Lao
		Sổ xét nghiệm soi trực tiếp
33	Báo cáo người cao tuổi	Báo cáo hoạt động chăm sóc người cao tuổi
		Danh sách những bệnh thường gặp ở người cao tuổi
34	Báo cáo Sốt xuất huyết	Báo cáo tổng hợp ca bệnh sốt xuất huyết Dengue theo tháng

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo kết quả hoạt động phòng chống sốt xuất huyết (Dengue)
		Báo cáo kết quả giám sát huyết thanh & virus Dengue
		Báo cáo tình hình bệnh sốt Dengue/sốt xuất huyết Dengue
		Báo cáo ca sốt xuất huyết Dengue
		Báo cáo danh sách bệnh nhân sốt xuất huyết
		Báo cáo điều tra bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue
		Báo cáo điều tra bệnh nhân sốt xuất huyết Dengue
		Báo cáo kết quả điều tra muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết Dengue
35	Báo cáo sức khỏe bà mẹ & trẻ em	Hoạt động Chương trình BVSKTTCD-TE
		Báo cáo tỷ lệ phụ nữ khám phụ khoa từ 15 tuổi
		Danh sách trẻ sinh ra được sàng lọc sơ sinh
		Báo cáo chăm sóc sức khỏe sinh sản
		Báo cáo tỷ lệ nạo phá thai
		Báo cáo số liệu sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh
		Báo cáo tình hình sức khỏe trẻ em
		Báo cáo danh sách trẻ sinh ra (theo tháng)
36	Báo cáo tiêm chủng	Báo cáo tiêm vaccin phòng UV và tình hình bệnh UVSS
		Báo cáo kết quả tiêm chủng trẻ em trong năm (Mẫu III)
		Báo cáo kết quả tiêm chủng trẻ em trong năm (Mẫu II)
		Báo cáo hoạt động tiêm chủng phòng 10 bệnh cho trẻ em

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo tình hình bệnh truyền nhiễm trẻ em
		Báo cáo ca chết sơ sinh và nghi ngờ UVSS
		Báo cáo các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng
		Báo cáo kết quả tiêm viêm não nhật bản
		Báo cáo tình hình sử dụng vắc xin và dụng cụ tiêm chủng
		Báo cáo tình hình sử dụng vacxin & dụng cụ tiêm chủng
		Báo cáo thống kê tiêm Vacxin phòng đại & huyết thanh kháng đại (ABHAYRAB)
		Bảng kê khai nhân sự của cơ sở đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện tiêm chủng
		Báo cáo các trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng
		Báo cáo các trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm chủng
		Báo cáo kết quả trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng
		Báo cáo tình hình sử dụng vacxin trong chương trình tiêm chủng mở rộng
		Báo cáo tình hình mắc và tử vong liên quan các bệnh có vacxin tiêm chủng trẻ em
		Báo cáo kết quả trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm
		Báo cáo kết quả trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm
		Phiếu dự trữ vacxin và dụng cụ tiêm chủng thường xuyên
		Báo cáo tình hình sử dụng vacxin trong chương trình tiêm chủng mở rộng

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo tình hình sử dụng vacxin trong chương trình tiêm chủng dịch vụ
		Báo cáo tiến độ tiêm chủng các vắc xin cơ bản cho trẻ (Mẫu 02-01)
		Báo cáo tiêm chủng vắc xin sởi, rubella, VNNB cho trẻ em theo kháng nguyên (Mẫu 03-02)
		Báo cáo tiến độ tiêm chủng các vắc xin cho trẻ em > 1 tuổi (Mẫu 03-01)
		Báo cáo thực hiện tiêm chủng các vắc xin cơ bản cho trẻ em trong TCMR (Mẫu 02-03)
		Báo cáo thực hiện tiêm chủng vắc xin sởi, rubella, VNNB trong TCMR (Mẫu 03-03)
		Báo cáo tiến độ tiêm chủng vắc xin uốn ván cho phụ nữ (Mẫu 04/19-TCMR)
		Báo cáo tiêm chủng các vắc xin cơ bản cho trẻ em theo kháng nguyên (Mẫu 02-02)
		Báo cáo tình hình sử dụng vắc xin tiêm chủng dịch vụ
		Báo cáo kết quả tiêm chủng (TT34 mẫu 1)
		Báo cáo kết quả tiêm chủng (TT34 mẫu 2)
		Mẫu báo cáo kết quả tiêm chủng cho phụ nữ có thai trong tiêm chủng mở rộng (TT34 mẫu 3)
		Mẫu báo cáo các trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm mẫu 1
		Mẫu báo cáo các trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm mẫu 2
37	Báo cáo tai nạn thương tích	Báo cáo tai nạn giao thông theo từng nội dung
		Danh sách bệnh nhân bị tai nạn giao thông cấp cứu tại TTYT
		Danh sách bệnh nhân bị tai nạn giao thông cấp cứu tại bệnh viện

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Báo cáo thống kê tai nạn thương tích
		Báo cáo tai nạn thương tích đối với bệnh nhân không đội mũ bảo hiểm
		Báo cáo chi tiết tai nạn thương tích
		Báo cáo tai nạn thương tích đối với bệnh nhân không đội mũ bảo hiểm
38	Báo cáo TT54 - Bệnh truyền nhiễm	Báo cáo phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm (Mẫu 2)
		Báo cáo kết thúc ổ dịch (Mẫu 9)
		Báo cáo bệnh truyền nhiễm tháng (Mẫu 4)
		Báo cáo DSBN mắc bệnh truyền nhiễm (Mẫu 3)
		Báo cáo bệnh truyền nhiễm năm (Mẫu 5)
		Báo cáo tổng hợp bệnh truyền nhiễm năm (Mẫu 6)
		Báo cáo cập nhật tình hình ổ dịch (Mẫu 8)
39	Báo cáo TTGDSK	Báo cáo hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng
		Báo cáo thống kê công tác TTGDSK
		Kết quả hoạt động triển khai tuần lễ dinh dưỡng và phát triển
		Báo cáo công tác phòng chống HIV/AIDS
		Báo cáo TTGDSK hoạt động tuyến huyện
		Báo cáo công tác phòng chống HIV/AIDS
		Báo cáo công tác truyền thông GDSK
		Báo cáo kế hoạch truyền thông thực hành dinh dưỡng
		Báo cáo công tác truyền thông GDSK
		Báo cáo hoạt động phòng chống sốt rét
		Báo cáo thống kê công tác TTGDSK
		Kết quả hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe

STT	Tên chức năng	Mô tả
40	Báo cáo Tâm thần	Báo cáo tình hình điều trị và thanh toán thuốc tâm thần
		Sổ theo dõi bệnh nhân TTPL - ĐỘNG KINH - TRẦM CẢM
		Báo cáo tăng giảm thuốc tâm thần
		Báo cáo các bệnh tâm thần & động kinh
		Báo cáo danh sách cấp thuốc cho bệnh nhân động kinh
		Báo cáo bệnh nhân sốt rét
41	Báo cáo tử vong	Báo cáo nguyên nhân tử vong
		Báo cáo tử vong trẻ sơ sinh và trẻ em
		Báo cáo phụ nữ tử vong tuổi từ 15 - 49
		Báo cáo số liệu tử vong (trong quý)
42	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Báo cáo tình hình chăm sóc sức khỏe bà mẹ
		Báo cáo chăm sóc sản khoa bằng phương pháp EENC
43	Báo cáo huyện TT37	1/BCH. Tình hình dân số - Sinh tử huyện
		2/BCH. Tình hình Thu chi Ngân Sách Y tế Huyện
		3.1/BCH. Cơ sở, Giường bệnh và Tình hình xử lý chất thải
		3.2 /BCH. Tình hình y tế xã phường
		4/BCH. Tình hình Nhân lực Y tế Huyện
		5.1/BCH. Hoạt động chăm sóc bà mẹ
		5.2/BCH. Hoạt động chăm sóc bà mẹ
		6/BCH. Mắc và tử vong do tai biến sản khoa
		7/BCH. Hoạt động khám phụ khoa,KHHGD và nạo phá thai
		8/BCH. Tình hình sức khỏe trẻ em

STT	Tên chức năng	Mô tả
		9/BCH. Hoạt động tiêm chủng phòng 10 bệnh cho trẻ em
		10/BCH. Tình hình mắc và tử vong do các bệnh có vacxin TC trẻ em
		11.1/BCH Hoạt động KCB cơ sở y tế
		12/BCH. Hoạt động phòng chống bệnh xã hội
		13.Báo cáo hình hình bệnh truyền nhiễm trẻ em
		14.1/BCH. Tình hình mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm gây dịch
		14.2/BCH. Tình hình mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm gây dịch
		14.3/BCH. Tình hình mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm gây dịch
		16/BCH. Báo cáo tình hình tử vong từ cộng đồng
		15/BCH. Tình hình Bệnh tật và Tử vong tại Bệnh viện theo ICD 10
44	Báo cáo tỉnh TT37	1/BCT. Tình hình dân số - Sinh tử tỉnh
		2/BCT. Tình hình Thu chi Ngân Sách Y tế Tỉnh
		3.1/BCT. Cơ sở, Giường bệnh và Tình hình xử lý chất thải
		3.2 /BCT. Tình hình y tế xã phường
		4/BCT. Tình hình Nhân lực Y tế Tỉnh
		5.1/BCT. Hoạt động chăm sóc bà mẹ
		5.2/BCT. Hoạt động chăm sóc bà mẹ
		6/BCT. Tình hình tử vong do tai biến sản khoa
		7/BCT - Tình hình khám phụ khoa, KHHGĐ và nạo phá thai
		8/BCT. Tình hình sức khỏe trẻ em

STT	Tên chức năng	Mô tả
		9/BCT. Hoạt động tiêm chủng phòng 10 bệnh cho trẻ em
		10/BCT. Tình hình mắc và tử vong do các bệnh có vacxin TC trẻ em
		11.1/BCT. Hoạt động KCB cơ sở y tế
		11.2/BCT. Hoạt động khám bệnh
		12/BCT. Hoạt động phòng chống bệnh xã hội
		13/BCT. Tình hình mắc và tử vong do tai nạn thương tích
		14.1/BCT. Tình hình mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm gây dịch
		14.2/BCT. Tình hình mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm gây dịch
		14.3/BCT. Tình hình mắc và tử vong do bệnh truyền nhiễm gây dịch
		15/BCT. Tình hình Bệnh tật và Tử vong tại Bệnh viện theo ICD 10
		16/BCT. Báo cáo tình hình tử vong từ cộng đồng
45	Báo cáo DS&KHHGĐ	Biểu 1 - DSX/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo tháng)
		Biểu 1 - DSH/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo tháng)
		Biểu 1 - DST/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo tháng)
		Biểu 2 - DSX/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo quý)
		Biểu 2 - DSH/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo quý)
		Biểu 2 - DST/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo quý)
		Biểu 3 - DSX/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo năm)
		Biểu 3 - DSH/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo năm)
		Biểu 3 - DST/ Báo cáo DS&KHHGĐ (theo năm)

STT	Tên chức năng	Mô tả
46	Biểu đồ dữ liệu các chức năng YTCS	Dân số
		CTVS
		Tiêm chủng
		Quản lý bệnh không lây
		Quản lý bệnh lây nhiễm
		Quản lý bệnh truyền nhiễm
		Quản lý dinh dưỡng - Cân đo
		Quản lý dinh dưỡng - Uống vitamin
47	Danh mục dùng chung	Quản lý danh sách địa phương
		Tàn tật
		Cách thức đẻ
		Tôn giáo
		Loại CTVS
		Phương tiện GD sức khỏe
		Hiv chẩn đoán
		Hiv BK
		HIV đối tượng
		Số lần khám thai
		Nơi tử vong
		Tử vong thai nhi
		Trình độ người đỡ
		Tình trạng lúc sinh
		Trình độ chuyên môn
		Quan hệ
		Nơi khám
		Loại tuần thai
		Nơi phát hiện
		Tình trạng hôn nhân
		Loại xét nghiệm
		Sinh sản loại tai biến
		Nguyên nhân tử vong

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Chẩn đoán sốt rét
		Phương pháp DTDP mẹ sang con
		Loại xét nghiệm sốt rét
		Kết quả xét nghiệm sốt rét
		Hình thức gđ sức khỏe
		Quyển biên lai GCS
		Lý do cấp lại GCS
		Phương pháp KHHGD
		Đường lây truyền HIV
		Nguyên nhân tử vong
		Loại tai biến KHHGD
		Cư trú
		Nghề nghiệp
		Địa phương
		Dân tộc
		Xã công TC
		Tuần thai
		Gói tin công TC
		Công trình vệ sinh
		HIV GDLS
		Vật tư tiêm chủng
		Địa điểm tiêm
		Tình trạng hôn nhân
		Cộng tác viên
		Viên vitamin
		Trình độ học vấn
		Nhóm bệnh lý
		HIV nhóm nghề nghiệp
		HIV hiện trạng cư trú
		Hành vi HIV
		Triệu chứng lâm sàng

STT	Tên chức năng	Mô tả
		Đối tượng xét nghiệm
		Diễn biến trong tháng
		Bộ phận
48	Quản trị hệ thống	Phân quyền menu sử dụng
		Phân quyền kho dược nhân viên
		Phân quyền nghiệp vụ dược nhân viên
		Lịch sử sử dụng chương trình
		Đăng nhập hệ thống
		Đổi mật khẩu
		Cập nhật thông tin nhân viên
		Thiết lập phòng
		Cấu hình tài khoản dữ liệu lên cổng V20
		Cấu hình tài khoản dữ liệu lên cổng tiêm chủng
		Cấu hình tài khoản dữ liệu lên cổng DHIS2
		Cấu hình tài khoản dữ liệu lên cổng giám định BHHH
49	Liên thông, chia sẻ dữ liệu	Liên thông cổng dữ liệu tiêm chủng
		Liên thông dữ liệu thống kê y tế
		Liên thông dữ liệu V20
		Liên thông Cổng Giám định BHHH
		Liên thông khác

Ghi chú :Nhà cung cấp dịch vụ cần liệt kê các chức năng chi tiết nhất trên hệ thống của mình
